

Số: 09/CBTT-XL

Tp. Huế, ngày 20 tháng 3 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế
- Mã chứng khoán HUB
- Địa chỉ trụ sở chính 72 đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ,
thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại 0234. 3821510
- Fax: 0234. 3825152
- Người thực hiện công bố thông tin Nguyễn Thị Kim Phụng
Chức vụ T. Ban Kiểm Soát; TBP. Kiểm toán nội bộ.

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://xaylaphue.com.vn> => *Quan hệ cổ đông* => *Báo cáo tài chính*.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022.

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin



NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	09 - 10
4. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 – 53

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và 07 Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 05/01/2011, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2022.

Cổ phiếu của Công ty chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là "HUB" theo Quyết định số 523/QĐ-SGDHCM ngày 18/12/2018.

Vốn điều lệ: 228.683.950.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2022: 228.683.950.000 đồng

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 04 công ty liên kết và 01 công ty đầu tư dài hạn khác.

Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2022				01/01/2022			
				Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
				Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100%	-	100%	-	100%	-	100%	-
2	Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế	Xã Hương Chữ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh VLXD	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	-
3	Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế	Lô A1, KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất chế biến gỗ và kinh doanh vận tải đường bộ	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	-
4	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền	Xã Lộc Điền, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	-
5	Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng	TT Tứ Hạ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2022				01/01/2022			
				Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
				Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp
6	Công ty CP Gạch Tuynen Huế	Phường Thủy Phương, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh gạch	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	-
7	Công ty TNHH Gạch Tuynen số 2 Thừa Thiên Huế	Phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh vật liệu xây dựng	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2022		01/01/2022	
				Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty CP Frit Huế	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh men frit	29,14%	29,14%	29,14%	29,14%
2	Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	24 Nguyễn Văn Cừ, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%
3	Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Tam Tây, Thủy An, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh bê tông	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%
4	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	18 đường Hà Huy Giáp, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

2. Trụ sở hoạt động**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 0234.3821510
- Fax : (84) 0234.3825152

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch	19/04/2022	
Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch	01/12/2021	19/04/2022
Ông Lê Quý Định	P. Chủ tịch	01/12/2021	
Ông Đoàn Hữu Thuận	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Ông Trần Sỹ Chương	Thành viên	28/04/2021	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Ông Lê Việt Liên	Thành viên	19/04/2022	
Ông Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên	19/04/2022	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng ban	19/04/2022	
Ông Phan Thành Long	Trưởng ban	28/04/2021	19/04/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Ông Nguyễn Châu Trân	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Ông Trần Hữu Vinh	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Bà Dương Thị Ngọc	Thành viên	28/04/2021	
Bà Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên	19/04/2022	
Ông Lê Văn Tài	Thành viên	19/04/2022	
Ông Lê Đình Nam	Thành viên	19/04/2022	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc	01/12/2021	
Ông Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Lê Văn Tài	Giám đốc	05/07/2021	01/05/2022
Ông Phan Văn Giáo	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Phạm Trường Lâm	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	05/07/2021	
Bà Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	01/05/2022 01/07/2021	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc	01/12/2021

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 53.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ông Đoàn Hữu Thuận – Chủ tịch HĐQT Công ty đã ủy quyền cho Ông Lê Quý Định – Phó Chủ tịch HĐQT phê duyệt Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-XL-HĐQT ngày 09 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Công ty



LÊ QUÝ ĐỊNH

P.Chủ tịch HĐQT

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Số: 18/2023/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023, từ trang 9 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với

Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số HCM11719 ngày 28/03/2022.

TP. Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Trần Xuân Thạnh - P.Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 1650-2023-071-1
Chữ ký được uỷ quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 72, Đường Phạm Văn Đồng, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		465.277.678.861	430.370.617.029
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	79.495.123.988	87.980.574.882
111	1. Tiền		21.450.123.988	15.661.042.590
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.045.000.000	72.319.532.292
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		152.365.000.000	95.575.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	152.365.000.000	95.575.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.433.811.241	75.975.116.489
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	92.147.241.331	93.425.055.195
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	3.066.220.196	5.685.292.284
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	1.284.456.068	1.483.588.448
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	17.972.301.248	16.503.264.398
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(46.903.471.729)	(41.122.083.836)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		867.064.127	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	154.404.054.489	155.790.679.858
141	1. Hàng tồn kho		154.718.646.286	156.075.498.491
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(314.591.797)	(284.818.633)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.579.689.143	15.049.245.800
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	496.910.065	1.503.192.532
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.082.779.078	4.464.554.168
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	9.000.000.000	9.081.499.100
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		381.355.965.121	361.502.580.904
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		895.667.311	2.483.738.020
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	895.667.311	2.483.738.020
220	II. Tài sản cố định		69.951.359.922	80.599.493.855
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	67.828.656.019	78.229.479.276
222	- Nguyên giá		279.253.733.413	276.327.384.796
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(211.425.077.394)	(198.097.905.520)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	2.122.703.903	2.370.014.579
228	- Nguyên giá		5.439.831.562	5.439.831.562
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.317.127.659)	(3.069.816.983)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.14	53.961.632.584	37.572.247.227
231	- Nguyên giá		102.663.729.104	82.601.313.731
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.702.096.520)	(45.029.066.504)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		70.687.570.489	60.611.763.191
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	70.687.570.489	60.611.763.191
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.15	158.003.898.406	151.936.955.157
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		156.881.324.716	150.814.381.467
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.122.573.690	1.122.573.690
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		27.855.836.409	28.298.383.454
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	24.836.918.345	25.879.724.977
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.018.918.064	2.418.658.477
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		846.633.643.982	791.873.197.933

CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 72, Đường Phạm Văn Đồng, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		308.068.128.414	309.671.038.516
310	I. Nợ ngắn hạn		202.749.231.938	230.684.291.171
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	46.628.840.432	76.485.293.522
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	46.006.252.465	40.728.266.928
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	6.416.496.465	6.774.566.424
314	4. Phải trả người lao động	V.18	20.033.558.548	21.470.286.461
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	243.464.399	882.843.449
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20a	4.061.727.593	3.607.517.001
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	53.855.115.607	54.156.042.651
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	8.705.072.073	12.549.107.142
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.23a	8.541.863.349	6.257.583.620
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	8.256.841.007	7.772.783.973
330	II. Nợ dài hạn		105.318.896.476	78.986.747.345
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20b	64.114.491.771	63.499.418.978
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.21b	6.837.845.568	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	22.352.520.576	3.017.013.100
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.831.516.200	1.948.839.072
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	V.23b	10.182.522.361	10.521.476.195
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		538.565.515.568	482.202.159.417
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.25	538.565.515.568	482.202.159.417
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		228.683.950.000	190.573.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		228.683.950.000	190.573.160.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		13.902.280.000	9.168.780.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		34.759.061.727	33.141.869.923
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		217.732.066.719	209.890.232.675
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		159.542.447.186	156.034.330.062
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		58.189.619.533	53.855.902.613
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		43.488.157.122	39.428.116.819
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		846.633.643.982	791.873.197.933

Người lập biểu

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2023



LÊ QUÝ ĐỊNH

CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 72, Đường Phạm Văn Đồng, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	426.074.617.781	445.487.535.140
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	942.577.787	48.837.542
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		425.132.039.994	445.438.697.598
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	312.061.880.423	338.987.943.179
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		113.070.159.571	106.450.754.419
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	8.727.178.555	7.481.785.852
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	1.696.840.961	801.426.630
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.549.368.062	745.248.885
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		16.674.505.249	19.552.418.757
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	8.445.270.914	9.788.816.461
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	49.462.002.948	52.568.918.362
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		78.867.728.552	70.325.797.575
31	12. Thu nhập khác	VI.8	4.145.179.854	6.477.947.182
32	13. Chi phí khác	VI.9	2.721.141.995	2.943.995.469
40	14. Lợi nhuận khác		1.424.037.859	3.533.951.713
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		80.291.766.411	73.859.749.288
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	14.226.002.219	12.430.243.681
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.10	(717.582.459)	(1.712.990.919)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		66.783.346.651	63.142.496.526
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		58.189.619.533	53.855.902.613
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		8.593.727.118	9.286.593.913
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	2.422	2.517
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	2.422	2.517

Người lập biểu

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám Đốc

LÊ QUÝ ĐỊNH



CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 72, Đường Phạm Văn Đồng, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		80.291.766.411	73.859.749.288
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.11, V.12, V.14	17.701.987.560	19.140.986.315
03	- Các khoản dự phòng	V.7, V.8, V.23	7.756.486.952	9.657.504.225
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4	(39.120.456)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4, VI.8	(9.355.132.963)	(27.616.389.335)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	1.549.368.062	745.248.885
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		97.905.355.566	75.787.099.378
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.027.461.010	28.335.097.939
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.356.852.205	(14.657.685.171)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(20.369.883.257)	27.184.447.463
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.049.089.099	(1.174.562.042)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.5, V.19	(1.539.161.226)	(745.248.885)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.10	(12.181.186.508)	(11.666.226.234)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(6.387.941.966)	(6.801.683.179)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		61.860.584.923	96.261.239.269
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(34.426.556.068)	(41.845.126.256)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.730.000.000	372.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(238.841.824.000)	(167.250.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		182.250.956.380	185.078.358.904
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.037.709.653	23.681.584.129
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(81.249.714.035)	37.544.050
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	57.844.633.079	81.439.386.586
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(42.353.160.672)	(105.014.657.093)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.21, V.25	(4.519.743.682)	(26.433.847.875)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.971.728.725	(50.009.118.382)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(8.417.400.387)	46.289.664.937
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		87.980.574.882	41.690.909.945
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(68.050.507)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	79.495.123.988	87.980.574.882

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

LÊ QUÝ ĐỊNH



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và 07 Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 05/01/2011, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2022.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động xây lắp và hoạt động kinh doanh bất động sản thì chu kỳ kinh doanh có thể kéo dài quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, sự kiện sáp nhập, chia tách,....có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 04 công ty liên kết và 01 công ty đầu tư dài hạn khác.

Số lượng các công ty con: 07

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 07

Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2022				01/01/2022			
				Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
				Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100%	-	100%	-	100%	-	100%	-
2	Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế	Xã Hương Chũr, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh VLXD	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	-
3	Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế	Lô A1, KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất chế biến gỗ và kinh doanh vận tải đường bộ	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	-
4	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền	Xã Lộc Điền, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	-
5	Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng	TT Tứ Hạ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	-
6	Công ty CP Gạch Tuynen Huế	Phường Thủy Phương, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh gạch	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	-
7	Công ty TNHH Gạch Tuynel số 2 Thừa Thiên Huế	Phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh vật liệu xây dựng	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2022		01/01/2022	
				Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty CP Frit Huế	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh men frit	29,14%	29,14%	29,14%	29,14%
2	Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	24 Nguyễn Văn Cừ, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%
3	Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Tam Tây, Thủy An, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh bê tông	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	31/12/2022		01/01/2022	
				Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
4	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	18 đường Hà Huy Giáp, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có 722 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2021 là 806 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

2a. Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 bao gồm Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của các công ty con (07 công ty con) là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp, Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế, Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế, Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền, Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng, Công ty CP Gạch Tuynen Huế và Công ty TNHH Gạch Tuynen số 2 Thừa Thiên Huế. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2b. Hợp nhất với Công ty liên doanh, liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao
Quyền khai thác mỏ	15 – 20

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 25

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- ✓ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- ✓ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ cho thuê bất động sản

Doanh thu từ cho thuê bất động sản đầu tư theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	271.426.392	219.149.254
Tiền gửi ngân hàng	21.178.697.596	15.441.893.336
Các khoản tương đương tiền (*)	58.045.000.000	72.319.532.292
Cộng	79.495.123.988	87.980.574.882

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại. Chi tiết tương đương tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	13.535.000.000	22.979.532.292
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	8.000.000.000	11.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	14.800.000.000	11.380.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	15.000.000.000	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh	-	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1.710.000.000	9.060.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2.000.000.000	2.100.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	3.000.000.000	-
Cộng	58.045.000.000	72.319.532.292

Không có khoản tiền gửi có kỳ hạn nào được cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	152.365.000.000	152.365.000.000	95.575.000.000	95.575.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	152.365.000.000	152.365.000.000	95.575.000.000	95.575.000.000
- Ngân hàng TMCP SHB - Chi nhánh Huế	52.050.000.000	52.050.000.000	46.700.000.000	46.700.000.000
- Ngân hàng TMCP PV - Chi nhánh Huế	19.900.000.000	19.900.000.000	19.500.000.000	19.500.000.000
- Ngân hàng TMCP VIB - Chi nhánh Huế	5.300.000.000	5.300.000.000	8.300.000.000	8.300.000.000
- Ngân hàng TMCP EXIM - Chi nhánh Huế	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Vietin - Chi nhánh Huế	34.125.000.000	34.125.000.000	2.125.000.000	2.125.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Huế	13.200.000.000	13.200.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Huế	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
- Ngân hàng Hàng Hải - Chi nhánh Huế	4.340.000.000	4.340.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Huế	600.000.000	600.000.000	14.100.000.000	14.100.000.000
- Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Huế	17.550.000.000	17.550.000.000	550.000.000	550.000.000
- Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Huế	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Cộng	152.365.000.000	152.365.000.000	95.575.000.000	95.575.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	2.295.633.673	5.108.436.549
- Công ty CP Xây dựng và ĐTPT Hạ tầng TTH	1.073.884.173	1.441.571.173
- Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTH	1.221.749.500	3.554.845.376
- Công ty CP Frit Huế	-	112.020.000
Phải thu các khách hàng khác	89.851.607.658	88.316.618.646
- Công ty CP Đầu tư Sao Phương Nam	6.970.883.298	6.705.031.473
- Công ty CP SCAVI Huế	6.942.185.197	1.605.952.213
- Công ty CP Du lịch Xanh	4.985.515.200	2.543.626.100
- Công ty CP Đầu tư Sunrise	4.671.582.000	5.171.582.000
- Công ty CP Kỹ nghệ Lạnh	4.122.061.600	5.019.707.215
- Công ty CP Đầu tư IMG Huế	4.964.852.534	2.198.823.485
- Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á	2.487.979.362	6.573.462.940
- Công ty CP Apec Land Huế	3.788.076.619	1.287.353.228
- Công ty CP Sài Gòn Đại Lợi	4.452.781.696	4.452.781.696
- Công ty CP Đầu tư dệt may Thiên An Phát	3.216.948.800	-
- Các khách hàng khác	43.248.741.352	52.758.298.296
Cộng	<u>92.147.241.331</u>	<u>93.425.055.195</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	69.746.213	-
- Công ty CP Frit Huế	69.746.213	-
Trả trước cho người bán khác	2.996.473.983	5.685.292.284
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Phúc Thành	1.558.698.000	1.558.698.000
- Công ty TNHH Thiết bị PCCC Hà Nội	600.000.000	-
- Công ty TNHH Dệt kim và May mặc Huế Việt Nam	-	462.590.980
- Các đối tượng người bán khác	837.775.983	3.664.003.304
Cộng	<u>3.066.220.196</u>	<u>5.685.292.284</u>

5. Phải thu về cho vay

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho vay các bên liên quan	1.284.456.068	1.483.588.448
- Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	1.284.456.068	1.483.588.448
Phải thu về cho vay các đối tượng khác	-	-
Cộng	<u>1.284.456.068</u>	<u>1.483.588.448</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty CP Xây lắp Thừa Thiên Huế cho Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2016/HĐVV-CTXL ngày 20/01/2016. Mục đích cho vay là ứng vốn thi công công trình thầu phụ, số tiền vay sẽ được hoàn trả khi chủ đầu tư thanh toán tiền. Lãi suất cho vay trong năm 2022 là 7%/năm.

6. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	437.324.000	(218.662.000)	437.324.000	-
- Công ty CP XD và ĐTPT Hạ tầng TTH	437.324.000	(218.662.000)	437.324.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	17.255.577.457	(4.153.407.515)	14.918.763.100	(4.153.407.515)
- Ban đầu tư và Xây dựng TP Huế	8.578.450.000	-	8.578.450.000	-
- Phải thu nhân viên tiền nhiệm	4.153.407.515	(4.153.407.515)	4.153.407.515	(4.153.407.515)
- Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Hương Thủy	2.044.632.000	-	-	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.631.877.962	-	1.136.944.866	-
- UB đền bù giải phóng mặt bằng	261.296.800	-	261.296.800	-
- Các đối tượng khác	585.913.180	-	788.663.919	-
Tạm ứng CBCNV	279.399.791	-	1.147.177.298	-
Cộng	17.972.301.248	(4.372.069.515)	16.503.264.398	(4.153.407.515)

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược ký quỹ dài hạn	895.667.311	-	2.483.738.020	-
Ký quỹ dự án Khách sạn Đông Dương	-	-	1.814.510.782	-
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường	725.667.311	-	669.227.238	-
Các khoản ký quỹ khác	170.000.000	-	-	-
Cộng	895.667.311	-	2.483.738.020	-

7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	27.527.765.000	36.129.370.314
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.003.962.242	2.463.360.157
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.841.843.294	1.632.176.341
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	6.529.901.193	897.177.024
Cộng	46.903.471.729	41.122.083.836

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	41.122.083.836	30.596.638.690
Trích lập dự phòng	11.974.677.450	10.525.445.146
Hoàn nhập dự phòng	(6.193.289.557)	-
Số cuối năm	<u>46.903.471.729</u>	<u>41.122.083.836</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	28.374.231.628	-	31.493.289.551	-
Công cụ, dụng cụ	1.290.321.216	-	1.390.312.188	-
Chi phí SXKD dở dang	90.469.128.454	-	94.396.537.402	-
Thành phẩm	32.753.201.458	(314.591.797)	27.882.066.085	(284.818.633)
Hàng hóa	1.831.763.530	-	913.293.265	-
Cộng	<u>154.718.646.286</u>	<u>(314.591.797)</u>	<u>156.075.498.491</u>	<u>(284.818.633)</u>

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2022
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022.

Nguyên vật liệu tồn kho chủ yếu là: than cám, đất sét,....

Thành phẩm tồn kho chủ yếu là: gạch, đá các loại, các sản phẩm từ gỗ,....

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Khu nhà ở Tam Thai	33.990.707.064	33.990.707.064
Khách sạn Đông Dương	10.859.650.161	9.252.790.928
Văn phòng cơ quan các đơn vị Tỉnh Thừa Thiên Huế	5.038.422.201	6.018.114.925
Dự án Resort The Anam Boutique	5.754.502.898	5.585.942.898
Khối nhà ở thấp tầng GD2 (Khu D). HM: 28 căn LKV19	5.476.815.775	2.424.013.824
Khu ĐT Phú Mỹ An. HM Đơn nguyên Block A (8 căn) thuộc Khu B1-B	4.020.388.447	-
Khách sạn Xanh - Huế VNECO	-	3.260.694.313
Các công trình khác	25.328.641.908	33.864.273.450
Cộng	<u>90.469.128.454</u>	<u>94.396.537.402</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất hạ tầng	61.491.396	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	221.458.387	1.309.015.598
Chi phí trả trước chờ phân bổ	213.960.282	194.176.934
Cộng	<u>496.910.065</u>	<u>1.503.192.532</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	1.503.192.532	793.430.645
Tăng trong năm	2.288.303.553	3.512.103.703
Phân bổ trong năm	(3.294.586.020)	(2.802.341.816)
Số dư cuối năm	<u>496.910.065</u>	<u>1.503.192.532</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất KCN Phú Bài	8.197.487.687	8.510.767.475
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	8.451.386.934	8.506.893.186
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.393.374.029	2.779.658.587
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.620.435.391	3.217.771.102
Chi phí khác chờ phân bổ	2.174.234.304	2.864.634.627
Cộng	<u>24.836.918.345</u>	<u>25.879.724.977</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	25.879.724.977	25.414.924.822
Tăng trong năm	3.767.472.154	4.892.998.533
Phân bổ trong năm	(4.810.278.786)	(4.428.198.378)
Số dư cuối năm	<u>24.836.918.345</u>	<u>25.879.724.977</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.074.926.872	-	16.741.423.390	18.177.939.634	1.638.410.628	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.347.024.056	12.658.711	14.226.002.219	12.181.186.508	4.379.181.056	-
Thuế thu nhập cá nhân	296.632.490	-	1.398.523.089	1.610.480.439	84.675.140	-
Thuế tài nguyên	297.978.059	-	2.338.964.960	2.444.055.618	192.887.401	-
Thuế nhà đất	661.966.257	68.840.389	6.001.621.035	6.594.746.903	-	-
Các loại thuế khác	-	-	18.000.000	18.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	96.038.690	9.000.000.000	2.004.312.146	1.979.008.596	121.342.240	9.000.000.000
Cộng	6.774.566.424	9.081.499.100	42.728.846.839	43.005.417.698	6.416.496.465	9.000.000.000

(*) Là số tiền tạm ứng vào Ngân sách Nhà nước về phí sử dụng đất cho UBND Thị xã Hương Thủy thực hiện đền bù phải phóng mặt bằng cho dự án Thủy Dương.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Đối với hoạt động xây dựng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% cho giai đoạn trước ngày 01/02/2022. Bắt đầu từ ngày 01/02/2022 Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT là 8% theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022. Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.291.766.411	73.859.749.288
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	(9.275.357.668)	(9.492.891.732)
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.598.583.296	8.315.572.510
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	1.347.900.000	1.014.300.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	206.386.430	115.088.357
+ Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường	134.004.966	48.826.085
+ Tiền trợ cấp thôi việc	-	30.154.000
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa đủ điều kiện	3.022.125.553	6.497.040.000
+ Chi phí bảo hành sản phẩm	-	432.708.788
+ Chi phí sửa chữa lớn, phân bổ CCDC	332.715.220	-
+ Chi phí không hợp lệ khác	150.793.686	177.455.280
+ Lỗ tại công ty con	2.404.657.441	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	16.873.940.964	17.808.464.242
+ Tiền trợ cấp thôi việc	484.174.150	193.657.650
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	180.000.000	180.000.000
+ Hoàn nhập dự phòng tài chính đã trích lập các công ty con, công ty liên kết	(586.614.360)	(2.182.592.165)
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	121.875.925	64.980.000
+ Lợi nhuận từ công ty liên kết	16.674.505.249	19.552.418.757
Thu nhập chịu thuế	71.016.408.743	64.366.857.556
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	71.016.408.743	64.366.857.556
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	14.203.281.749	12.873.371.511
Thuế TNDN được giảm 30%	-	444.982.375
Chi phí thuế TNDN truy thu năm trước	22.720.470	1.854.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.226.002.219	12.430.243.681

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(604.425.111)	(1.299.408.000)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(117.322.872)	(436.518.433)
Dự phòng cải tạo môi trường rừng	(26.800.992)	(9.765.216)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	97.509.560	32.700.730
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	(66.543.044)	-
Cộng	(717.582.459)	(1.712.990.919)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	176.136.596.842	75.422.141.673	23.120.686.085	1.647.960.196	276.327.384.796
Phân loại lại	66.259.376	(66.259.376)	-	-	-
Mua sắm trong năm	1.477.603.071	2.681.312.326	129.418.000	-	4.288.333.397
Thanh lý, nhượng bán	(1.186.946.144)	(40.440.000)	(134.598.636)	-	(1.361.984.780)
Số cuối năm	176.493.513.145	77.996.754.623	23.115.505.449	1.647.960.196	279.253.733.413
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	71.874.901.947	34.370.012.156	13.464.758.996	1.543.505.651	121.253.178.750
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	125.128.825.376	53.632.034.897	17.739.313.687	1.597.731.560	198.097.905.520
Phân loại lại	260.250.343	(260.250.345)	2	-	-
Khấu hao trong năm	7.513.787.562	5.132.613.059	1.096.284.975	38.961.272	13.781.646.868
T/ly, nhượng bán	(424.502.792)	(20.998.957)	(8.973.245)	-	(454.474.994)
Số cuối năm	132.478.360.489	58.483.398.654	18.826.625.419	1.636.692.832	211.425.077.394
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	51.007.771.466	21.790.106.776	5.381.372.398	50.228.636	78.229.479.276
Số cuối năm	44.015.152.656	19.513.355.969	4.288.880.030	11.267.364	67.828.656.019

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 4.791.251.139 đồng (Xem Thuyết minh V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Quyền khai thác mỏ	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.530.000	692.000.000	4.405.301.562	5.439.831.562
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý/nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	342.530.000	692.000.000	4.405.301.562	5.439.831.562
<i>Trong đó:</i>				
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	692.000.000	-	692.000.000
- Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	692.000.000	2.377.816.983	3.069.816.983
Khấu hao trong năm	-	-	247.310.676	247.310.676
Thanh lý/nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	-	692.000.000	2.625.127.659	3.317.127.659
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	342.530.000	-	2.027.484.579	2.370.014.579
Số cuối năm	342.530.000	-	1.780.173.903	2.122.703.903

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại D1-3, Khu Phố Hưng Vương 2 – R13, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, được sử dụng để làm văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào BĐS đầu tư	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	60.611.763.191	30.050.330.352	(19.380.386.280)	(594.136.774)	70.687.570.489
- KCN Phú Bài giai đoạn 4	47.794.971.133	22.393.514.581	-	-	70.188.485.714
- Nhà xưởng khu công nghiệp	12.105.823.411	7.376.291.759	(19.380.386.280)	(101.728.890)	-
- Các công trình khác	710.968.647	280.524.012	-	(492.407.884)	499.084.775
Cộng	60.611.763.191	30.050.330.352	(19.380.386.280)	(594.136.774)	70.687.570.489

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**14. Bất động sản đầu tư**

	Tòa nhà 28 Lý Thường Kiệt	Tòa nhà 9 Phạm Văn Đồng	Tòa nhà 23 Hà Nội	Tòa nhà 30 Hùng Vương	Tòa nhà 52 Phan Chu Trinh	Nhà xưởng cho thuê tại KCN	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	50.306.749.278	21.348.424.513	4.131.676.382	6.106.944.556	707.519.002	-	82.601.313.731
Tăng trong năm	444.578.183	237.450.910	-	-	-	19.380.386.280	20.062.415.373
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	50.751.327.461	21.585.875.423	4.131.676.382	6.106.944.556	707.519.002	19.380.386.280	102.663.729.104
Khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	25.569.869.328	11.842.321.851	3.100.798.624	4.113.970.037	402.106.664	-	45.029.066.504
Phân loại lại	360.549.855	-	-	(360.549.855)	-	-	-
Khấu hao trong năm	1.889.036.364	796.960.939	159.819.600	203.811.168	28.191.900	595.210.045	3.673.030.016
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	27.819.455.547	12.639.282.790	3.260.618.224	3.957.231.350	430.298.564	595.210.045	48.702.096.520
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	24.736.879.950	9.506.102.662	1.030.877.758	1.992.974.519	305.412.338	-	37.572.247.227
Số cuối năm	22.931.871.914	8.946.592.633	871.058.158	2.149.713.206	277.220.438	18.785.176.235	53.961.632.584

Giá trị còn lại của BĐSĐT được cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là: 18.785.176.235 đồng. (Xem Thuyết minh V.22)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị đầu tư
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		26.487.247.634	156.881.324.716		26.487.247.634	150.814.381.467
Công ty CP Frit Huế	29,14%	9.847.128.302	132.038.842.510	29,14%	9.847.128.302	127.558.030.260
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	48,76%	9.157.581.000	-	48,76%	9.157.581.000	-
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	48,00%	5.533.052.714	21.792.126.472	48,00%	5.533.052.714	20.176.122.879
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư PTHT TTHuế	30,00%	1.949.485.618	3.050.355.734	30,00%	1.949.485.618	3.080.228.328
Đầu tư dài hạn khác		1.122.573.690	1.122.573.690		1.122.573.690	1.122.573.690
Công ty CP Long Thọ	3,84%	1.122.573.690	1.122.573.690	3,84%	1.122.573.690	1.122.573.690
Cộng		27.609.821.324	158.003.898.406		27.609.821.324	151.936.955.157

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	26.487.247.634	26.487.247.634
	26.487.247.634	26.487.247.634

Biến động trong đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	Công ty CP Frit Huế	Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTH	Công ty CP XD và ĐT PTHT TTH	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2022	127.558.030.260	20.176.122.879	3.080.228.328	150.814.381.467
Lợi nhuận từ công ty liên kết	12.449.854.683	4.707.426.313	133.627.406	17.290.908.402
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.867.062.000)	(2.592.000.000)	(148.500.000)	(10.607.562.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(101.980.433)	(499.422.720)	(15.000.000)	(616.403.153)
Tại ngày 31/12/2022	132.038.842.510	21.792.126.472	3.050.355.734	156.881.324.716

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	10.160.777.557	11.444.064.666
- Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTHuế	7.105.934.771	8.088.265.500
- Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	2.510.343.786	2.510.343.786
- Công ty CP Kinh doanh Nhà TT Huế	544.499.000	845.455.380
Phải trả các người bán khác	36.468.062.875	65.041.228.856
- Công ty CP Đầu tư Trung Quý Huế	-	16.214.514.043
- Công ty TNHH Thép tiền chế Zamil Việt Nam	-	7.031.200.000
- Công ty CP SX&TM Phước Bình	2.323.033.094	2.638.172.393
- Công ty TNHH Nhật Minh Quang	3.632.260.025	7.536.276.703
- Công ty TNHH MTV Tân Vĩnh Phú	1.761.941.656	-
- DNTN TM & DV Tú Phương	1.291.961.792	1.280.218.627
- Công ty TNHH TM và DV Hải Tiến	1.365.518.167	941.156.527
- Công ty CP bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	1.023.939.722	-
- Công Ty TNHH Một Thành Viên Thiện Quý	1.322.818.345	-
- Công ty TNHH Thương mại Than miền Trung	1.399.209.000	-
- Các đối tượng người bán khác	22.347.381.074	29.399.690.563
Cộng	<u>46.628.840.432</u>	<u>76.485.293.522</u>

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	46.006.252.465	40.728.266.928
- BQL DA Đầu tư xây dựng và Phát triển Đô thị Tỉnh Thừa Thiên Huế	1.808.053.000	-
- Công ty CP ANINVEST	1.598.136.000	-
- Công ty Noble House Home Furnishings LLC	1.042.509.303	5.971.141.779
- Eurofar International B.V	3.120.531.248	-
- Công ty CP Apec Land Huế	-	2.991.377.339
- Sở Y Tế Tỉnh Thừa Thiên Huế	496.802.116	2.750.811.116
- Công ty CP Dệt may Huế	9.818.820.000	-
- Công ty CP Sợi Phú Bài	3.565.500.000	-
- Tập đoàn Dệt may Việt Nam	4.506.406.250	-
- Công ty CP Vinatex Phú Hưng	3.978.922.560	-
- BQL DA Đầu tư XD Công trình giao thông TTH	990.913.140	3.231.627.000
- Công ty CP ĐTXD TM và công nghệ Hà Nội - CN Thừa Thiên Huế	2.755.944.898	2.755.944.898
- Các đối tượng khác	12.323.713.950	23.027.364.796
Cộng	<u>46.006.252.465</u>	<u>40.728.266.928</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	20.033.558.548	21.470.286.461
Cộng	<u>20.033.558.548</u>	<u>21.470.286.461</u>

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước phí tư vấn, kiểm toán	115.000.000	350.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa	-	346.298.642
Chi phí lãi vay phải trả	10.206.836	-
Trích chi phí tiêu thụ sản phẩm	107.802.377	105.164.493
Trích trước chi phí khác	10.455.186	81.380.314
Số dư cuối năm	<u>243.464.399</u>	<u>882.843.449</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng KCN	2.979.233.397	2.937.176.202
Doanh thu cho thuê văn phòng	782.494.196	670.340.799
Doanh thu cung cấp bê tông thương phẩm	300.000.000	-
Cộng	<u>4.061.727.593</u>	<u>3.607.517.001</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng KCN	63.214.491.771	63.499.418.978
Doanh thu cung cấp bê tông thương phẩm	900.000.000	-
Cộng	<u>64.114.491.771</u>	<u>63.499.418.978</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Phải trả các đối tượng khác	53.855.115.607	54.156.042.651
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.525.418.246	1.238.143.832
Cổ tức phải trả	1.152.646.950	2.124.399.132
BQL Dự án KCN Phú Bài	41.729.297.231	41.729.297.231
Phải trả các đội xây dựng	3.127.258.271	2.963.368.792
Phải trả đặt cọc thuê văn phòng	2.915.851.870	2.398.136.450
Phải trả các đối tượng khác	3.404.643.039	3.702.697.214
Cộng	<u>53.855.115.607</u>	<u>54.156.042.651</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	6.837.845.568	-
Cộng	<u>6.837.845.568</u>	<u>-</u>

22. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	6.074.392.673	6.074.392.673	12.281.841.292	12.281.841.292
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Huế (a)	3.165.617.912	3.165.617.912	9.325.420.940	9.325.420.940
- Ngân hàng TMCP BIDV - CN Phú Xuân (b)	2.475.590.334	2.475.590.334	2.956.420.352	2.956.420.352
- Ngân hàng TMCP Quân đội MB - CN Huế (c)	433.184.427	433.184.427	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.630.679.400	2.630.679.400	267.265.850	267.265.850
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Huế (d)	2.630.679.400	2.630.679.400	267.265.850	267.265.850
Cộng	<u>8.705.072.073</u>	<u>8.705.072.073</u>	<u>12.549.107.142</u>	<u>12.549.107.142</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Huế (d)	11.031.892.536	11.031.892.536	3.017.013.100	3.017.013.100
- Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế (e)	11.320.628.040	11.320.628.040	-	-
Cộng	22.352.520.576	22.352.520.576	3.017.013.100	3.017.013.100

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Huế theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01-2022/HĐHM-CBG ngày 05/07/2022. Tổng hạn mức cho vay là 10 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem Thuyết minh số V.11)

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/15249325/HĐTD ngày 31/10/2022. Tổng hạn mức cho vay là 10 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem Thuyết minh số V.11)

(c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - CN Huế theo hợp đồng cho vay số 8079.22.501.302709.TD ngày 18/05/2022 với. Tổng hạn mức cho vay là 7 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức là 07 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo tiền vay là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem Thuyết minh số V.11)

(d) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho Vay dự án đầu tư số 2022/DAĐT ngày 05/01/2022. Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để tài trợ cho dự án xây dựng nhà xưởng xây sẵn tại Lô B-2-2 Khu Công nghiệp Phú Bài. Lãi suất cho vay: 7,5% trong 2 năm đầu tiên. Thời gian còn lại lãi suất = LSTK VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả sau cho khách hàng cá nhân VCB + Biên độ 2,9%/năm. Số tiền cho vay tối đa là 14.700.000.000 đồng và không vượt quá 70% tổng mức dự án đầu tư của dự án không bao gồm VAT của dự án đầu tư. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay. (xem Thuyết minh số V.14)
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2021/MMTB-CBG ngày 24/08/2021. Tổng số tiền cho vay tối đa là 4.977.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, hệ thống, thiết bị liên quan đến phòng cháy chữa cháy, trạm biến áp và xây dựng một số hạng mục nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. (xem Thuyết minh số V.11)
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2020/MMTB-CBG ngày 19/10/2020. Tổng số tiền đã vay là 1.380.271.400. đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. (xem Thuyết minh số V.11)
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2019/DUAN-CBG ngày 20/11/2019. Tổng số tiền đã vay là 1.900.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị, xây dựng một số hạng mục nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. (xem Thuyết minh số V.11)
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2018/DUAN-CBG ngày 30/11/2018. Tổng số tiền đã vay là 400.464.500 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. (xem Thuyết minh số V.11)
- (e) Vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng cho Vay số 16/2022/HĐTD-QĐTPT tháng 09/2022. Thời hạn cho vay tối đa 108 tháng kể từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán các chi phí liên quan để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Phú Bài giai đoạn IV. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm, lãi suất từng thời điểm được ghi trong giấy nhận nợ. Số tiền cho vay tối đa là 34.000.000.000 đồng, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư.

23. Dự phòng phải trả

a. Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	8.494.102.734	5.426.953.361
Dự phòng khác	47.760.615	830.630.259
Cộng	<u>8.541.863.349</u>	<u>6.257.583.620</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng 5% chờ quyết toán các CT vốn NN	4.606.641.400	4.779.992.800
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.824.324.874	5.311.872.674
Dự phòng kinh phí cải tạo phục hồi môi trường	751.556.087	429.610.721
Cộng	<u>10.182.522.361</u>	<u>10.521.476.195</u>

24. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.772.783.973	6.871.999.000	(6.387.941.966)	8.256.841.007
Cộng	<u>7.772.783.973</u>	<u>6.871.999.000</u>	<u>(6.387.941.966)</u>	<u>8.256.841.007</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***25. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư ngày 01/01/2021	190.573.160.000	9.168.780.000	22.743.307.419	200.658.273.357	33.988.915.763	457.132.436.539
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	9.286.593.913	9.286.593.913
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	53.855.902.613	-	53.855.902.613
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.398.562.504	(10.398.562.504)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.972.411.527)	(647.102.473)	(6.619.514.000)
Đ/C theo biên bản KTNN	-	-	-	332.988.368	(5.386.528)	327.601.840
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(28.585.957.632)	(3.194.903.856)	(31.780.861.488)
Số dư ngày 31/12/2021	190.573.160.000	9.168.780.000	33.141.869.923	209.890.232.675	39.428.116.819	482.202.159.417
Số dư ngày 01/01/2022	190.573.160.000	9.168.780.000	33.141.869.923	209.890.232.675	39.428.116.819	482.202.159.417
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	8.593.727.118	8.593.727.118
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	58.189.619.533	-	58.189.619.533
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.875.511.804	(15.875.511.804)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.886.303.685)	(985.695.315)	(6.871.999.000)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	9.524.820.000	4.733.500.000	(14.258.320.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	28.585.970.000	-	-	(28.585.970.000)	(3.547.991.500)	(3.547.991.500)
Số dư ngày 31/12/2022	228.683.950.000	13.902.280.000	34.759.061.727	217.732.066.719	43.488.157.122	538.565.515.568

Nghị quyết HĐQT số 12/NQ-XL-HĐQT ngày 27/09/2022 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%) và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (5%). Theo đó, tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 3.811.079 cổ phiếu tương ứng 38.110.790.000 đồng. Ngày 11/11/2022, UBCK Nhà nước đã có thông báo số 7514/UBCK-QLCB về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh (Searefico)	-	0,00%	68.606.340.000	36,00%
Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	42.674.990.000	18,66%	7.562.500.000	3,97%
Bà Nguyễn Thị Phương Hoa	48.729.140.000	21,31%	-	0,00%
Công đoàn công ty	10.853.690.000	4,75%	8.956.940.000	4,70%
Vốn góp của các cổ đông khác	126.426.130.000	55,28%	105.447.380.000	55,33%
	228.683.950.000	100,00%	190.573.160.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	190.573.160.000	190.573.160.000
+ Vốn góp tăng trong năm	38.110.790.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	228.683.950.000	190.573.160.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(32.133.961.500)	(31.780.861.488)
+ Tại Công ty mẹ	(28.585.970.000)	(28.585.957.632)
+ Tại các công ty con	(3.547.991.500)	(3.194.903.856)

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.868.395	19.057.316
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.868.395	19.057.316
- Cổ phiếu thường	22.868.395	19.057.316
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.868.395	19.057.316
- Cổ phiếu thường	22.868.395	19.057.316
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**e. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	39.428.116.819	33.988.915.763
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	8.593.727.118	9.286.593.913
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(3.547.991.500)	(3.194.903.856)
Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(985.695.315)	(647.102.473)
Giảm khác	-	(5.386.528)
Số cuối năm	43.488.157.122	39.428.116.819

26. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ**

Chỉ tiêu	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
- USD	3.245,26	3.256,68
- EUR	34.120,85	200,63

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu với các bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.1b)	2.796.507.856	3.215.193.692
Doanh thu xây lắp, dịch vụ	1.084.187.186	574.817.273
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	1.712.320.670	2.640.376.419
Doanh thu với các đơn vị và cá nhân khác	423.278.109.925	442.272.341.448
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	218.990.451.577	242.194.435.806
Doanh thu xây lắp, dịch vụ	128.607.558.131	120.265.680.697
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	54.861.285.702	61.674.789.110
Doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản	20.818.814.515	18.137.435.835
Cộng	426.074.617.781	445.487.535.140

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	62.126.237	48.837.542
Hàng bán bị trả lại	880.451.550	-
Cộng	<u>942.577.787</u>	<u>48.837.542</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	163.642.792.309	181.002.523.583
Giá vốn của hoạt động xây lắp, dịch vụ	121.414.974.038	109.171.302.128
Giá vốn kinh doanh hạ tầng	22.754.096.072	44.269.566.778
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản	4.218.187.801	4.529.602.825
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	31.830.203	14.947.865
Cộng	<u>312.061.880.423</u>	<u>338.987.943.179</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.352.642.749	7.285.648.562
Cổ tức, lợi nhuận được chia	180.000.000	180.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	129.800.656	-
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	64.735.150	-
Doanh thu khác	-	16.137.290
Cộng	<u>8.727.178.555</u>	<u>7.481.785.852</u>

5. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.549.368.062	745.248.885
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	121.858.205	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm	25.614.694	-
Khác	-	56.177.745
Cộng	<u>1.696.840.961</u>	<u>801.426.630</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.602.212.809	3.756.461.787
Chi phí dự phòng bảo hành sản phẩm	(31.896.350)	735.788.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.325.399.003	4.331.139.325
Chi phí khác	549.555.452	965.427.334
Cộng	<u>8.445.270.914</u>	<u>9.788.816.461</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	29.855.911.417	27.954.859.668
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.286.903.777	1.112.234.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.771.017.045	2.907.780.293
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.656.364.615	10.525.445.146
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	(362.925.000)	352.123.555
Chi phí bằng tiền khác	9.254.731.094	9.716.475.380
Cộng	<u>49.462.002.948</u>	<u>52.568.918.362</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	822.490.214	89.392.449
Thu phí tiện ích cho thuê văn phòng	2.358.467.432	2.574.182.841
Hoàn nhập bảo hành công trình xây lắp	849.206.361	2.027.592.643
Thu nhập khác	115.015.847	1.786.779.249
Cộng	<u>4.145.179.854</u>	<u>6.477.947.182</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tiện ích cho thuê văn phòng	2.358.467.432	2.574.182.841
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	266.291.919	-
Các khoản thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính	81.674.800	108.006.699
Chi phí khác	14.707.844	261.805.929
Cộng	<u>2.721.141.995</u>	<u>2.943.995.469</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	58.189.619.533	53.855.902.613
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.800.000.000)	(5.886.303.685)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.800.000.000)	(5.886.303.685)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	55.389.619.533	47.969.598.928
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	22.868.395	19.057.316
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>2.422</u>	<u>2.517</u>

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-XL-ĐHCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022 với tỷ lệ là 8%/lợi nhuận sau thuế TNDN.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.057.316	19.057.316
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	3.811.079	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	<u>22.868.395</u>	<u>19.057.316</u>

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	55.389.619.533	47.969.598.928
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.868.395	19.057.316
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.868.395	19.057.316
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>2.422</u>	<u>2.517</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	169.046.882.045	170.290.807.065
Chi phí nhân công	110.077.241.482	125.805.824.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.701.987.560	19.140.986.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.660.543.287	48.626.402.281
Chi phí khác	30.117.391.771	51.117.931.786
Cộng	<u>380.604.046.145</u>	<u>414.981.952.169</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	28.585.970.000	-
Tăng vốn đầu tư CSH từ quỹ đầu tư phát triển	9.524.820.000	-
Cộng	<u>38.110.790.000</u>	<u>-</u>

2. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	57.844.633.079	81.439.386.586
Cộng	<u>57.844.633.079</u>	<u>81.439.386.586</u>

3. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	42.353.160.672	105.014.657.093
Cộng	<u>42.353.160.672</u>	<u>105.014.657.093</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm nay			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch HĐQT	-	136.000.000	-	136.000.000
2	Lê Quý Định	P.Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	637.200.000	120.000.000	-	757.200.000
3	Trần Sỹ Chương	Thành viên HĐQT	-	120.000.000	-	120.000.000
4	Lê Viết Liên	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	-	80.000.000
5	Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	-	80.000.000
6	Lê Tấn Phước	Nguyên chủ tịch HĐQT	-	48.000.000	-	48.000.000
7	Nguyễn Thị Thanh Hường	Nguyên thành viên HĐQT	-	40.000.000	-	40.000.000
8	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng BKS	154.686.000	84.000.000	-	238.686.000
9	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	-	60.000.000	-	60.000.000
10	Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên BKS	-	40.000.000	-	40.000.000
11	Lê Văn Tài	Thành viên BKS	113.200.000	40.000.000	-	153.200.000
12	Lê Đình Nam	Thành viên BKS	42.000.000	40.000.000	-	82.000.000
13	Phan Thành Long	Nguyên trưởng BKS	-	32.000.000	-	32.000.000
14	Nguyễn Châu Trần	Nguyên thành viên BKS	-	20.000.000	-	20.000.000
15	Trần Hữu Vinh	Nguyên thành viên BKS	54.000.000	20.000.000	-	74.000.000
16	Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	339.600.000	-	-	339.600.000
17	Phan Văn Giáo	Giám đốc	110.880.000	-	-	110.880.000
18	Phạm Trường Lâm	Giám đốc	196.510.240	-	-	196.510.240
19	Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	219.276.000	-	-	219.276.000
20	Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	324.160.000	-	-	324.160.000
	Tổng cộng		2.191.512.240	960.000.000	-	3.151.512.240

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm trước			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Lê Quý Định	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	630.240.000	82.000.000	721.966.500	1.434.206.500
2	Lê Tấn Phước	Thành viên HĐQT	-	122.000.000	-	122.000.000
3	Đoàn Hữu Thuận	Thành viên HĐQT	-	120.000.000	389.589.000	509.589.000
4	Nguyễn Thị Thanh Hườ	Thành viên HĐQT	-	120.000.000	-	120.000.000
5	Trần Sỹ Chương	Thành viên HĐQT	-	80.000.000	-	80.000.000
6	Phan Thành Long	Trưởng BKS	-	64.000.000	-	64.000.000
7	Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên BKS	132.720.000	72.000.000	24.679.500	229.399.500
8	Nguyễn Châu Trần	Thành viên BKS	-	60.000.000	-	60.000.000
9	Trần Hữu Vinh	Thành viên BKS	162.000.000	60.000.000	52.725.000	274.725.000
10	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	-	40.000.000	-	40.000.000
11	Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	339.600.000	-	239.715.000	579.315.000
12	Phan Văn Giáo	Giám đốc	272.400.000	-	123.319.500	395.719.500
13	Phạm Trường Lâm	Giám đốc	272.400.000	-	104.328.000	376.728.000
14	Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	237.600.000	-	3.099.000	240.699.000
15	Lê Văn Tài	Giám đốc	339.600.000	-	215.067.000	554.667.000
16	Lê Thị Khánh Vân	Kế toán trưởng	283.200.000	-	65.793.000	348.993.000
	Tổng cộng		2.669.760.000	820.000.000	1.940.281.500	5.430.041.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty liên kết, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Frit Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng và ĐTPT Hạ tầng TTH	Công ty liên kết
Công ty CP Long Thọ	Công ty nhận đầu tư

Doanh thu với các bên liên quan khác:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.084.187.186	574.817.273
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	1.084.187.186	144.800.000
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	-	430.017.273
Công ty CP Long Thọ	-	1.310.309.849
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	1.712.320.670	2.640.376.419
Công ty CP Frit Huế	1.712.320.670	2.640.376.419
Cộng	1.084.187.186	574.817.273

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Tên Công ty	Năm nay	Năm trước
Mua hàng		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	12.520.912.911	11.256.038.182
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	-	439.592.909
Công ty Cổ phần Frit Huế	874.532.230	729.730.800
Nhận cổ tức		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	2.592.000.000	2.592.000.000
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	148.500.000	198.000.000
Công ty CP Frit Huế	7.867.062.000	13.111.770.000
Công ty CP Long Thọ	180.000.000	180.000.000
Giao dịch khác (Lãi cho vay)		
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	101.824.000	106.521.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan khác:

Tên Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu ngắn hạn		
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	1.073.884.173	1.441.571.173
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	1.221.749.500	3.554.845.376
Công ty CP Frit Huế	-	112.020.000
Trả trước người bán		
Công ty CP Frit Huế	69.746.213	-
Phải thu về cho vay		
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	1.284.456.068	1.483.588.448
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	437.324.000	437.324.000
Phải trả người bán		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	7.105.934.771	8.088.265.500
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	2.510.343.786	2.510.343.786
Công ty CP Kinh doanh Nhà TT Huế	544.499.000	845.455.380

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán hàng		Hoạt động kinh doanh hạ tầng	Hoạt động kinh doanh BDS	Cộng
	Hoạt động xây lắp				
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	218.047.873.790	129.691.745.317	56.573.606.372	20.818.814.515	425.132.039.994
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	218.047.873.790	129.691.745.317	56.573.606.372	20.818.814.515	425.132.039.994
Giá vốn bộ phận	163.674.622.512	121.414.974.038	22.754.096.072	4.218.187.801	312.061.880.423
Lợi nhuận gộp bộ phận	54.373.251.278	8.276.771.279	33.819.510.300	16.600.626.714	113.070.159.571
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	242.194.435.806	120.791.660.428	64.315.165.529	18.137.435.835	445.438.697.598
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	242.194.435.806	120.791.660.428	64.315.165.529	18.137.435.835	445.438.697.598
Giá vốn bộ phận	181.017.471.448	109.171.302.128	44.269.566.778	4.529.602.825	338.987.943.179
Lợi nhuận gộp bộ phận	61.176.964.358	11.620.358.300	20.045.598.751	13.607.833.010	106.450.754.419

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn đều được thực hiện tại Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do có sự thay đổi về phân phối các Quỹ khen thưởng, phúc lợi so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu so sánh trên BCTC	Số liệu so sánh trình bày lại	Chênh lệch
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.637	2.517	120
2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.637	2.517	120

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 03 năm 2023



LÊ THỊ KHÁNH VÂN
Người lập biểu

LÊ THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán trưởng

LÊ QUÝ ĐỊNH
Tổng Giám đốc